

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2026 /HS - ST

Ngày 06/02/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tường Vân

2. Ông Lê Văn Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Lệ Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 02 năm 2026 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2025/TLST - HS ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2026/QĐXXST - HS ngày 07/01/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2026/HSST – QĐ ngày 20/01/2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Duy T - Sinh ngày 12 tháng 11 năm 2000 tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; CCCD số: 038200xxxxxx; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn G, xã T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn D - sinh năm 1970, con bà Lê Thị Q - sinh năm 1978; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: không; tiền sự: không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 53/2025/LCĐKNCT ngày 31/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa; Có mặt.

2. Họ và tên: Nguyễn Đình T1- Sinh ngày 15 tháng 09 năm 1990 tại xã T, tỉnh T; CCCD số: 038090xxxxxx; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn G, xã T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính:

Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Đình H - sinh năm: 1961, con bà Lê Thị N - sinh năm: 1964; Vợ là Lê Thị A - sinh năm: 1988; Bị cáo có 02 con: lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2023; Tiền án: không; tiền sự: không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 54/2025/LCĐKNCT ngày 31/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

*** Những người tham gia tố tụng khác:**

- *Người bị hại:* Bà Phạm Thị T2 (đã chết)

Người đại diện hợp pháp của người bị hại: Anh Nguyễn Hữu H - Sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn A, xã T, tỉnh T.

Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Công ty TNHH Dịch vụ và thương mại P.

Địa chỉ trụ sở: Thôn Long Phượng, xã T, tỉnh Thanh Hoá.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị H - Sinh năm 1989 - Chức vụ Giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Đình P - Sinh ngày 20/10/1985

Địa chỉ: Thôn L, xã T, tỉnh T.

Có mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Đỗ Hữu L - Sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn A, xã T, tỉnh T.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 05/12/2024, bà Phạm Thị H (sinh năm: 1989, trú tại: thôn L, xã T, tỉnh T) - Giám đốc công ty TNHH dịch vụ và thương mại P ủy quyền và bàn giao tài sản của công ty TNHH dịch vụ và thương mại P bao gồm: máy ủi, máy xúc, xe ô tô biển kiểm soát (BKS) 36C - 180.40 và xe ô tô BKS 36H-033.xx cho Nguyễn Đình T1 là nhân viên công ty TNHH dịch vụ và thương mại P chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng (trong biên bản bàn giao ghi rõ xe ô tô BKS 36H - 033.xx đã hết hạn đăng kiểm, tuyệt đối không được sử dụng lưu thông trên đường). Vào sáng ngày 04/02/2025 Nguyễn Đình T1 điều động Lê Duy T, điều khiển xe ô tô BKS 36C -180.xx đi chở đất của nhà bà Bùi Thị H thuộc thôn B, xã T đến đổ để san lấp vườn nhà ông T4 ở thôn

A, xã T. Khi nhận xe, Lê Duy T phát hiện xe ô tô BKS 36C - 180.xx bị hỏng và báo lại với Nguyễn Đình T1. Lúc này mặc dù biết rõ xe ô tô BKS 36H-033.xx không đủ điều kiện an toàn lưu thông trên đường nhưng Nguyễn Đình T1 vẫn điều động xe giao cho T sử dụng chiếc xe này để chở đất.

Đến khoảng 10 giờ 45 phút ngày 02/4/2025, khi Lê Duy T điều khiển xe ô tô BKS 36H-033.xx đi đến đoạn đường khu vực ngã ba thuộc địa phận thôn A, xã T và lưu thông theo hướng thôn L, xã T đi thôn A, xã T, do không chú ý quan sát, không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an T khi đi qua nơi giao nhau cùng mức. Khi khoảng cách giữa hai xe quá gần thì T đạp phanh nhưng do phanh xe đã bị giảm hiệu lực phanh nên đã xảy ra va chạm với xe mô tô BKS 36B5 – 185.xx do bà Phạm Thị T2 (sinh năm 1970, trú tại thôn A, xã T) điều khiển đang đi từ hướng thôn T, xã T vào khu vực ngã 3 và chuyển hướng sang lề đường bên phải (theo hướng thôn L, xã T đi khu 2, xã T) để vào cổng nhà. Hậu quả bà Phạm Thị T2 bị tử vong tại chỗ.

Ngay sau khi tiếp nhận thông tin về vụ việc, các cơ quan chức năng đã tạm giữ phương tiện, tài liệu có liên quan, tiến hành các hoạt động điều tra, xác minh vụ việc theo quy định, kết quả cụ thể như sau:

* Khám nghiệm hiện trường: Hiện trường xảy ra tai nạn giao thông thuộc ngã ba liên thôn thuộc địa phận thôn A, xã T, nối giữa ba thôn là thôn L, thôn T và khu 2, xã T, đoạn đường thẳng, mặt đường thảm nhựa bằng phẳng, đường chưa có cọc tiêu biển báo, đường chưa có vạch kẻ phân chia làn đường. Lòng đường rộng 5,65m, cống thoát nước bên trái rộng 1,15m; cống thoát nước bên phải rộng 1,15m (tính theo hướng thôn L đi Khu 2, xã T).

Hiện trường để lại các dấu vết, đồ vật: (1): Vết tỳ trượt; (2) Xe ô tô BKS: 36H – 033.xx; (3) Tổ hợp ba vết cạ cách quãng nằm trên lòng đường chệch chéo đến cống thoát nước bên phải theo chiều từ thôn Án Phượng đi khu 2, xã T; (4) Xe mô tô BKS: 36B5 - 185.xx; (5) Chất màu đỏ (nghỉ là máu) được thể hiện trong biên bản khám nghiệm hiện trường.

* Khám nghiệm tử thi: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa đã trưng cầu phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa giám định pháp y tử thi, xác định nguyên nhân chết của bà Phạm Thị T2. Tại Bản kết luận giám định số: 1336/KLGĐTT-PC09 ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận về nguyên nhân chết của bà Phạm Thị T2 là "Đa chấn thương".

* Giám định cơ học: Sau khi khám nghiệm hiện trường, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa đã tiến hành trưng cầu phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa giám định cơ chế hình thành dấu vết trên phương tiện xe ô tô BKS 36H - 033.xx và xe mô tô BKS 36B5 - 185.xx trong vụ tai nạn giao thông nói trên và tiến hành các hoạt động kiểm tra, xác minh theo quy định của pháp luật. Tại Bản kết luận giám định

số: 1546/KL-KTHS ngày 05 tháng 05 năm 2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

"1. Điểm va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện: Mặt trước ba đờ xôc trước cách thành xe bên phải 58cm xe ô tô BKS 36H - 033.xx với mặt ngoài bên phải cốt sắt bảo hiểm đuôi xe mô tô BKS 36B5 - 185.xx.

2. Tại thời điểm va chạm xe mô tô BKS 36B5 - 185.xx có hướng chuyển động từ trái qua phải so với hướng xe ô tô BKS 36H - 033.xx.

3. Vị trí va chạm giữa hai phương tiện nằm trước tổ hợp vết cà (3), được thể hiện trong biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường, thuộc chiều đường phen phải theo hướng thôn A đi khu 2, xã T.

4. Không đủ cơ sở xác định tốc độ của hai phương tiện tại thời điểm xảy ra va chạm.

5. Từ chối kết luận kỹ thuật an T phương tiện do chưa có Giám định viên về lĩnh vực này."

* Kết quả giám định nồng độ cồn, chất ma túy: Sau khi vụ tai nạn giao thông xảy ra, Cơ quan điều tra tiến hành thu mẫu máu của bà Phạm Thị T2 và bị cáo Lê Duy T và trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ Công an giám định nồng độ cồn và chất ma túy trong máu của bà Phạm Thị T2 và bị cáo Lê Duy T.

Tại Bản kết luận giám định số 3212/KL-KTHS ngày 25/4/2025 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: "Không tìm thấy chất ma túy và sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy trong mẫu máu ký hiệu A2, M2 gửi giám định".

Tại Bản kết luận giám định số 1492/KL-KTHS ngày 28/4/2025 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

+ Mẫu máu của Phạm Thị T2, sinh năm: 1970, trú tại: thôn A, xã T, tỉnh T niêm phong gửi giám định không có ethanol (cồn).

+ Mẫu máu của Lê Duy T, sinh năm: 2000, trú tại: thôn G, xã T, tỉnh T niêm phong gửi giám định không có ethanol (cồn).

* Kết quả giám định ADN: Quá trình khám nghiệm hiện trường vụ án, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa tiến hành thu giữ lông tóc và các chất dịch màu nâu đỏ (nghi máu) tại vị trí má bánh sau ngoài cùng bên trái của xe ô tô BKS 36H - 033.xx. Ngày 14/4/2025 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa đã tiến hành trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa giám định ADN đối với lông tóc và các chất dịch màu nâu đỏ (nghi máu) đã thu giữ. Tại Bản kết luận giám định số 1530/KL-KTHS ngày 29/4/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Mẫu lông tóc và chất dịch màu nâu đỏ gửi giám định là lông, tóc, máu của bà Phạm Thị T2.

* Giám định video: Quá trình xác minh, Cơ quan điều tra đã rà soát Camera và xác định Camera an ninh của ông Nguyễn Hữu N, sinh năm: 1969, trú tại: thôn A, xã T, tỉnh T có ghi lại được nội dung hình ảnh có liên quan đến vụ tai nạn giao thông, Cơ quan điều tra đã tiến hành sao lưu đoạn video có liên quan đến vụ tai nạn giao thông được ghi lại từ các camera nói trên vào 01 USB và niêm phong theo đúng quy định. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa giám định video và giám định tốc độ các phương tiện có trong video tại thời điểm xảy ra tai nạn. Tại Bản kết luận giám định số 2187/KL-KTHS ngày 23/6/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

“- Không tìm thấy dấu vết chỉnh sửa, cắt ghép nội dung hình ảnh trong 01 video của 01 USB gửi giám định

- Không xác định được tốc độ của hai phương tiện trong vụ tai nạn giao thông.”

* Giám định an T kỹ thuật phương tiện: Ngày 04/9/2025 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa ra Quyết định trưng cầu giám định số: C1427/QĐ-VPCQCSĐT trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ Công an giám định an toàn phương tiện đối với xe ô tô BKS 36H - 033.xx. Tại Bản kết luận giám định số: 6778/KL-KTHS ngày 25/9/2025 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Tình trạng kỹ thuật của xe ô tô BKS 36H - 033.xx tại thời điểm ngay trước khi xảy ra tai nạn không đảm bảo an toàn kỹ thuật do độ rơ vô lăng lái 24/43 vượt quá quy định cho phép, khí nén bị rò mạnh tại cụm van an toàn lắp tại bình khí nén, bề mặt làm việc của lớp xe mòn quá vấu chỉ dẫn giới hạn, nứt, vỡ.

Ngày 14/10/2025 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa ban hành Công văn số: 545/CV-VPCQCSĐT đề nghị Viện khoa học hình sự Bộ Công an trả lời nội dung: "Tại thời điểm xảy ra vụ tai nạn giao thông hệ thống phanh xe ô tô BKS 36H - 033.xx có đảm bảo cho việc dừng xe một cách an toàn hay không?". Tại Công văn trả lời số: 3380/C09-P2 ngày 30/10/2025 Viện khoa học hình sự Bộ Công an trả lời: Tại thời điểm ngay trước khi xảy ra tai nạn, hệ thống phanh của xe ô tô BKS 36H - 033.xx không dừng xe một cách an toàn được do khí nén bị rò mạnh tại cụm van an toàn của bình chứa khí nén dẫn đến làm giảm hiệu lực phanh.

* Về Trách nhiệm dân sự: Sau khi xảy ra tai nạn giao thông, bị cáo Lê Duy T và bị cáo Nguyễn Đình T1 cùng ông Nguyễn Đình P (đại diện chủ xe ô tô BKS 36H - 033.xx) đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bà Phạm Thị T2 số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng). Ngoài số tiền trên, gia đình bà Phạm Thị T2 không yêu cầu bị cáo Lê Duy T, Nguyễn Đình T1 và công ty TNHH dịch vụ và thương mại P bồi thường thêm gì khác. Công ty TNHH dịch vụ và thương mại P không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền mà công ty đã liên đới bồi thường cho gia đình người bị hại.

* Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 (một) xe ô tô BKS36H – 033.xx (cùng giấy tờ xe); 01 (một) xe mô tô BKS36B5 - 185.xx (cùng giấy tờ xe); 01 (một) Giấy phép lái xe hạng C của Lê Duy T; 01 (một) Giấy phép lái xe của bà Phạm Thị T2.

Quá trình xác minh tin báo, người đại diện của bà Phạm Thị T2 đã có đơn xin lại tài sản là xe mô tô BKS 36B5 - 185.xx (cùng giấy tờ xe). Xét thấy việc trả lại phương tiện xe mô tô cùng các giấy tờ có liên quan không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa đã trả lại các đồ vật, tài liệu nói trên cho người đại diện hợp pháp của chủ sở hữu.

Giấy phép lái xe của Lê Duy T và giấy tờ xe ô tô đã chuyển cùng hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính.

Xe ô tô BKS 36H - 033.xx được chuyển đến kho vật chứng của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Thanh Hóa bảo quản, chờ xử lý theo quy định.

Tại bản cáo trạng số: 25/CT- VKSKV7 ngày 30/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hoá đã truy tố bị cáo Lê Duy T về tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Đình T1 về tội: “Đưa vào sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không bảo đảm an toàn” theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 262 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo. Kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật hình sự. Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Lê Duy T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Xử phạt: Lê Duy T từ 15 tháng đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 262; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật hình sự. Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình T1 phạm tội : “Đưa vào sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không bảo đảm an toàn”. Xử phạt: Nguyễn Đình T1 từ 08 tháng đến 10 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 tháng đến 20 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về bồi thường dân sự: Các bị cáo và công ty TNHH dịch vụ và thương mại P đã tự nguyện bồi thường cho gia đình người bị hại số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng). Gia đình người bị hại không có yêu cầu gì thêm. Công ty TNHH dịch vụ và thương mại P không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền mà công

ty đã liên đới bồi thường cho gia đình người bị hại. Đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này.

Xử lý vật chứng và án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Lời nói sau cùng, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa: Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định Tổ tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tổ tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản thu giữ vật chứng, cùng với các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở để kết luận:

Vào sáng ngày 02/4/2025, bị cáo Nguyễn Đình T1 chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng, điều động các phương tiện, tài sản của Công ty TNHH dịch vụ và thương mại P trong đó có xe ô tô BKS 36H - 033.xx. Mặc dù biết xe ô tô này không đủ điều kiện lưu thông trên đường (Giấy chứng nhận kiểm định không còn hiệu lực, không bảo đảm tiêu chuẩn an T kỹ thuật) vẫn đưa phương tiện giao thông cho Lê Duy T (là lái xe của công ty, có giấy phép lái xe theo quy định) điều khiển tham gia giao thông. Đến khoảng 10 giờ 45 phút ngày 02/4/2025, khi T đang điều khiển xe ô tô BKS 36H - 033.xx lưu thông theo hướng thôn L, xã T đi thôn A, xã T, đến đoạn ngã ba thuộc thôn A, xã T, do không chú ý quan sát, không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn khi đi qua nơi giao nhau cùng mức, khi khoảng cách giữa hai quá gần thì T đạp phanh nhưng do phanh xe đã bị giảm hiệu lực phanh nên đã xảy ra va chạm với xe mô tô BKS 36B5 - 185.xx do bà Phạm Thị T2 điều khiển đang đi từ hướng thôn T, xã T vào khu vực ngã ba và chuyển hướng sang lề đường bên phải (theo hướng thôn L, xã T đi khu 2, xã T) để vào cổng nhà. Hậu quả bà Phạm Thị T2 bị tử vong tại chỗ do đa chấn thương.

Hành vi của Lê Duy T vi phạm khoản 28 Điều 9 và điểm d khoản 3 Điều 12 Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Đây là hành vi vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, dù xe có lỗi kỹ thuật, nhưng nếu T chấp hành việc quan sát,

giảm tốc độ đúng quy định khi vào ngã ba thì tai nạn có khả năng tránh được. Hành vi vi phạm của bị cáo đã trực tiếp gây ra hậu quả làm bà Phạm Thị T2 tử vong, xâm phạm nghiêm trọng đến trật tự an toàn giao thông và tính mạng con người. Do đó, hành vi của bị cáo Lê Duy T đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Đình T1 là người được giao quản lý, điều động và chịu trách nhiệm về tình trạng kỹ thuật của xe ô tô 36H-033.xx thuộc Công ty TNHH dịch vụ và thương mại P. Mặc dù biết rõ xe ô tô đã hết hạn kiểm định, không bảo đảm an toàn kỹ thuật, hệ thống phanh không bảo đảm hiệu lực dừng xe, nhưng bị cáo vẫn cho phép và điều động xe tham gia giao thông, giao cho bị cáo Lê Duy T điều khiển chở hàng. Hành vi của bị cáo Thanh đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người chịu trách nhiệm trực tiếp về việc điều động hoặc tình trạng kỹ thuật phương tiện giao thông rõ ràng không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật. Hậu quả một người chết. Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Đình T1 đủ yếu tố đã cấu thành tội: “Đưa vào sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không bảo đảm an toàn” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 262 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi của vụ án:

Đối với bị cáo Lê Duy T: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến an toàn giao thông công cộng mang tính chất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo khi tham gia giao thông đường bộ đã không chấp hành đúng quy định, không chú ý quan sát, không giảm tốc độ khi vào ngã ba để giữ khoảng cách an toàn với xe phía trước. Hậu quả, va chạm với xe mô tô do bà Phạm Thị T2 đang điều khiển làm bà T2 bị tử vong tại chỗ. Hành vi của bị cáo là nguyên nhân chính, trực tiếp dẫn đến tai nạn giao thông làm 01 người chết.

Đối với bị cáo Nguyễn Đình T1 là người chịu trách nhiệm trực tiếp về việc quản lý, điều động phương tiện, đã biết rõ xe ô tô không bảo đảm an toàn kỹ thuật nhưng vẫn cho phép đưa vào sử dụng tham gia giao thông. Hành vi của bị cáo là nguyên nhân gián tiếp dẫn đến hậu quả làm chết 01 người.

Để đấu tranh phòng chống và ngăn ngừa tội phạm nói chung và lập lại trật tự an T giao thông đường bộ nói riêng, cần thiết phải có hình phạt nghiêm minh đối với các bị cáo để xử phạt và giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa và giáo dục những người khác tôn trọng pháp luật. Bởi vậy, cần lên cho các bị cáo một hình phạt nghiêm khắc để răn đe và phòng ngừa chung cũng như có đủ thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Xét về vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Bị cáo Lê Duy T giữ vai trò là người thực hành, nên có lỗi trực tiếp; bị cáo Nguyễn Đình T1 giữ vai trò là người

điều động nên có lỗi gián tiếp gây hậu quả làm chết 01 người. Tuy nhiên, hai bị cáo không có sự bàn bạc, thống nhất ý chí từ trước, nên không phải là đồng phạm.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo đã chủ động, tự nguyện tích cực bồi thường, khắc phục thiệt hại cho gia đình người bị hại. Bên cạnh đó bị hại cũng có một phần lỗi, người đại diện của người bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ TNHS cho các bị cáo. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Đình T1 có ông nội là Nguyễn Hồng Phần là người có công được tặng huân chương kháng chiến. Vì vậy, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS.

[6] Xét tính chất, hành vi, mức độ phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, không tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Trước khi phạm tội có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hậu quả xảy ra có một phần lỗi của người bị hại. Vì vậy, xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 BLHS cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi xảy ra tai nạn giao thông, bị cáo Lê Duy T và bị cáo Nguyễn Đình T1 cùng Công ty TNHH dịch vụ và thương mại P đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bà Phạm Thị T2 số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng). Ngoài số tiền trên, gia đình bà Phạm Thị T2 không yêu cầu bị cáo Lê Duy T, Nguyễn Đình T1 và công ty TNHH dịch vụ và thương mại P bồi thường thêm gì khác. Công ty TNHH dịch vụ và thương mại P không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền mà công ty đã liên đới bồi thường cho gia đình người bị hại. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[8] Về phần hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều làm nghề tự do, công việc và thu nhập không ổn định, gia đình đều có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

[9] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa đã ra quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu đối với xe mô tô BKS 36B5 - 185.xx (cùng giấy tờ xe) và giấy phép lái xe của bà Phạm Thị T2 bằng hình thức trả lại các đồ vật, tài liệu nói trên cho người đại diện hợp pháp của chủ sở hữu là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với 01(một) giấy phép lái xe của Lê Duy T và giấy tờ xe ô tô BKS 36H - 033.xx đã chuyển cùng hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp với quy định của pháp luật.

Trả lại cho công ty TNHH dịch vụ và thương mại P 01 xe ô tô BKS 36H - 033.xx. Vật chứng này hiện đang được lưu giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Thanh Hoá (đặc điểm của vật chứng theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09/01/2026 giữa Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Thanh Hoá và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Thanh Hoá).

[10] Vấn đề khác:

Đối với hành vi của bà Phạm Thị T2: thời điểm xảy ra tai nạn giao thông, bà Phạm Thị T2 điều khiển xe mô tô biển số 36B5 - 185.xx đi từ hướng thôn T, xã T vào khu vực ngã ba và chuyển hướng sang lề đường bên phải (theo hướng thôn L, xã T đi khu 2, xã T) để vào cổng nhà, khi bà T2 điều khiển xe mô tô đi đến phần đường bên phải (sát lề đường bên phải theo hướng đi khu 2, xã T) thì xảy ra va chạm với xe ô tô biển số 36H - 033.xx. Thời điểm bà T2 điều khiển xe mô tô chuyển hướng sang đường bà T2 đã không chú ý quan sát, không giảm tốc độ và không có tín hiệu báo hướng rẽ, vi phạm khoản 28 Điều 9 và khoản 2 Điều 15 Luật trật tự an toàn giao thông năm 2024 là một phần nguyên nhân dẫn đến vụ tai nạn, gây hậu quả cho chính mình. Tuy nhiên, bà T2 đã chết nên không xem xét xử lý.

Đối với hành vi chở hàng vượt quá trọng tải cho phép 54,96 %; điều khiển xe ô tô có giấy chứng nhận kiểm định hết hiệu lực; điều khiển xe ô tô không có giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS còn hiệu lực của Lê Duy T; quá trình điều tra xác định T vi phạm điểm a khoản 6 điều 21; điểm b khoản 6 điều 13; điểm c khoản 4 điều 18 Nghị định 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chuyển hồ sơ đề nghị Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thanh Hóa xử lý vi phạm hành chính đối với Lê Duy T là đúng quy định.

Đối với Công ty TNHH dịch vụ và thương mại P (là chủ phương tiện xe ô tô BKS36H - 033.xx) đã có hành vi để phương tiện cho Lê Duy T (là người làm công) điều khiển tham gia giao thông chở hàng quá tải trọng cho phép, vi phạm điểm a khoản 13 điều 32 Nghị định 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chuyển hồ sơ đề nghị Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thanh Hóa xử lý vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH dịch vụ và thương mại P là đúng quy định.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Duy T.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 262, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đình T1.

2. Tuyên bố:

- Bị cáo Lê Duy T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

- Bị cáo Nguyễn Đình T1 phạm tội: “Đưa vào sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không bảo đảm an toàn”.

3. Xử phạt:

Bị cáo Lê Duy T 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 06/02/2026).

Bị cáo Nguyễn Đình T1 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 06/02/2026).

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Lê Duy T, Nguyễn Đình T1.

Giao các bị cáo Lê Duy T, Nguyễn Đình T1 cho UBND xã T, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho công ty TNHH dịch vụ và thương mại P 01 xe ô tô BKS 36H - 033.xx. Vật chứng này hiện đang được lưu giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Thanh Hoá (đặc điểm của vật chứng theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09/01/2026 giữa Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Thanh Hoá và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Thanh Hoá).

- Về án phí: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Lê Duy T, Nguyễn Đình T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí HSST.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người đại diện hợp pháp của người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự và điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của người bị hại
- Người có QLNVLQ;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 7;
- THA dân sự tỉnh Thanh Hoá;
- CQTHAHS Công an tỉnh Thanh Hoá;
- CQCSĐT Công an tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương Giang